

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NGHI THỨC LỜI NÓI TIẾNG NGA

ONE OF THE ISSUES RELATED TO KNOWLEDGE OF RUSSIAN SPEECH

Vũ Yến Sơn

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế; vuyenson86@yahoo.com

Tóm tắt - Nghi thức lời nói (NTLN) rất quan trọng trong giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ. NTLN là những “công thức lời nói” – “những đơn vị ngôn ngữ có sẵn” và nếu sử dụng sai không thể giao tiếp được. Bài báo trình bày những vấn đề cơ bản về NTLN như: Khái niệm chung về NTLN: “Nghi thức lời nói” (речевоѳетикет) là hệ thống đặc biệt của các hoạt động của động hình giao tiếp. Nghi thức lời nói có quan hệ với khái niệm nghi thức. Nghi thức – đó là một hệ thống phức tạp, các dấu hiệu chỉ ra trong quá trình giao tiếp (bằng lời nói và bằng dấu hiệu) thái độ đối với người khác. Xã hội đặt ra những nghi thức lễ nghi ứng xử (trong đó có cả ứng xử lời nói) mỗi khi thiết lập và duy trì sự tiếp xúc với người đối thoại và đòi hỏi những người bản ngữ phải tuân theo quy tắc này. Ngoài ra NTLN có mối liên hệ chặt chẽ với tu từ học, tình huống, nghĩa học và ngôn ngữ đất nước học.

Từ khóa - Nghi thức lời nói trong nói tiếng Nga; giảng dạy tiếng Nga; công thức lời nói; những đơn vị có sẵn; ứng xử lời nói

1. Đặt vấn đề

Trong giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ, “Nghi thức lời nói” (NTLN) đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong giao tiếp. NTLN không những chỉ là thành tố quan trọng quyết định hiệu quả giao tiếp mà còn là những đơn vị ngôn ngữ chuẩn – những “công thức lời nói” có sẵn mà nếu sử dụng sai từ thì những người tham gia giao tiếp không thể hiểu được nhau. NTLN phản ánh tư duy, đặc trưng văn hóa của dân tộc sử dụng thứ ngôn ngữ đó. NTLN quan trọng trong mọi ngôn ngữ, không riêng chỉ trong tiếng Nga. Vì vậy, bài báo đề cập đến những vấn đề liên quan đến NTLN như một ngoại ngữ: Khái niệm về NTLN; các vấn đề về ngôn ngữ xã hội học với NTLN; các vấn đề tu từ học với NTLN. Tình huống nghĩa học trong NTLN; Ngôn ngữ đất nước học với NTLN; Văn bản đối thoại với NTLN.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở khảo sát các nghi thức lời nói tiếng Nga như làm quen, chào hỏi, cảm ơn, chia tay, chúc tụng, ... Sau đó, sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp miêu tả, phương pháp so sánh - đối chiếu, phương pháp tổng hợp để tìm ra những vấn đề cơ bản liên quan đến NTLN.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi sử dụng các phương pháp nghiên cứu, tác giả tiến hành thực hiện và rút ra những vấn đề quan trọng sau liên quan đến NTLN: các vấn đề lý luận về NTLN, các vấn đề ngôn ngữ xã hội học, tu từ học, tình huống, nghĩa học, văn bản đối thoại với NTLN tiếng Nga.

3.1. Nghi thức lời nói trong tiếng Nga

“Nghi thức lời nói” (речевоѳетикет) là hệ thống đặc biệt của các hoạt động của động hình giao tiếp. Nghi thức lời nói có quan hệ với khái niệm nghi thức. Nghi thức – đó là một hệ thống phức tạp, các dấu hiệu chỉ ra trong quá

Abstract - Ritual speech plays an important role in teaching Russian as a foreign language. Ritual speech – “speech formulas” – “available language units”, if used incorrectly, will lead to the disability of communication. This article presents the basic issues on ritual speeches including: general conception of ritual speech; socio – linguistics with ritual speech; stylistics with ritual speech; situation semantics with ritual speech; national linguistics with ritual speech and dialogue document with ritual speech. The society imposes ritual conduct/behavior (including verbal behavior) whenever it establishes and maintains the contact with interlocutor and requires native speakers to follow this rule. In addition, ritual speech is closely related to rhetoric, situation, semantics and national linguistics.

Key words - Speech etiquette in Russian; teaching Russian; speech formulas; available language units; verbal behavior

trình giao tiếp (bằng lời nói và bằng dấu hiệu) thái độ đối với người khác.

Người đối thoại, ý kiến đánh giá người ấy đồng thời cũng là sự đánh giá mình, vị trí của mình đối với người đối thoại. Ví dụ: ngả mũ khi gặp người khác. Rõ ràng dấu hiệu này không phải tồn tại cho bản thân nó mà chỉ tồn tại khi có quan hệ với người khác vì nó đã gắn cho ý nghĩa chào hỏi. Dấu hiệu này, một mặt nói lên thái độ tôn trọng và thiện cảm đối với người được gặp, mặt khác cũng nói về bản thân người ấy nữa, chẳng hạn nói lên rằng người ấy đã không còn trẻ, bởi vì đối với thanh niên nói chung không hay chào nhau kiểu ấy. Việc dùng các dấu hiệu nghi thức để truyền đạt ý niệm về các thành viên của tập thể và vị trí của mình trong tập thể, mà nói đúng hơn là trong các tập thể khác nhau (những khách bộ hành, các khách hàng trên tàu xe, trong nhà hàng khách sạn, cách xưng hô với những người không quen biết). Việc nhất thiết phải dùng các dấu hiệu như vậy ở mọi nơi, mọi lúc là điều kiện cần thiết của giao tiếp.

“Nghi thức lời nói dùng tiếng nói để phục vụ cho nghi thức ứng xử và bao hàm chẳng những một khu vực rộng lớn các động hình giao tiếp thường gặp trong các tình huống thay đổi mà cả khu vực hẹp trong các động hình trong phạm vi xưng hô chào hỏi, làm quen, chia tay, chúc tụng, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, mời mọc, khuyên bảo, an ủi, chia buồn, khen ngợi, ... và các trường hợp khác nữa” [3, tr.17].

Tóm lại, nghi thức lời nói với nghĩa hẹp là những quy tắc ứng xử lời nói đặc trưng của từng dân tộc được dùng trong các tình huống có những người đối thoại đang tiếp xúc và giao tiếp với giọng điệu được lựa chọn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, phải thu hút sự chú ý của người đối thoại, phải biết cách xưng hô đúng với người đó. Nghi thức lời nói chủ yếu thực hiện chính các chức năng thiết lập quan hệ tiếp xúc ấy nói cách khác là cho phép người ta xác định mình đối với người đối thoại và truyền đạt cho người đó một nội dung thông tin xã hội kiểu: “chúng

ta cũng như nhau cả mà”, “tôi muốn tiếp xúc nói chuyện với anh”, “mình có thiện cảm với bạn đấy”. Dưới đây chúng ta đề cập đến một số vấn đề lý thuyết có liên quan đến NTLN.

3.2. Các vấn đề ngôn ngữ học xã hội với nghi thức lời nói

Ngôn ngữ học xã hội nghiên cứu một phạm vi rộng lớn các vấn đề về sự tương tác giữa ngôn ngữ và xã hội và ngược lại – giữa xã hội và ngôn ngữ. Tác giả sẽ chỉ nói tới những điểm quan trọng đối với việc tìm hiểu nghi thức lời nói. Và trước hết đó là vấn đề và các vai trò xã hội của những người nói trong quá trình giao tiếp [2, tr.44].

Xã hội đặt ra những nghi thức lễ nghi ứng xử (trong đó có cả ứng xử lời nói) mỗi khi thiết lập và duy trì sự tiếp xúc với người đối thoại và đòi hỏi những người bản ngữ phải tuân theo quy tắc này. Ngay từ lúc còn nhỏ, người ta đã được dạy cách sử dụng các dấu hiệu nghi thức, các thể thức xưng hô, chào hỏi, chia tay, xin lỗi, cảm ơn, ... và có những phản ứng khó chịu với sự không tuân thủ hoặc vi phạm nguyên tắc đó của người đối thoại. Ngược lại, việc dùng các động hình nghi thức lời nói tạo bầu không khí thuận lợi cho giao tiếp, tăng thêm niềm hứng khởi cho những người trong tập thể. Như vậy, “xã hội và nghi thức” có sự tương tác và ảnh hưởng nhau to lớn.

Những người bản ngữ hợp lại thành khối xã hội khác nhau được phân biệt theo dấu hiệu thường trực (có tính chất quy chế) như: lứa tuổi (trẻ em, thanh niên, trung niên, người già), thuộc tính xã hội thực sự trên quan điểm ngành nghề (trí thức, công nhân, nông dân), trình độ học vấn (người có trình độ văn hóa, người kém văn hóa chỉ biết tiếng nói thông tục nơi cư trú (ở thành phố hoặc nông thôn, ...)). Ví dụ: trong trường hợp xưng hô với phụ nữ trong nghi thức lời nói tiếng Nga, ít khi người ta đề cập đến giới tính của người đối thoại (гражданка (nữ công dân), девушка (cô gái), ...). Về đại thể có thể nói rằng lời nói của phụ nữ lịch sự hơn, ít thô tục hơn. Chẳng hạn, kiểu chào thông tục «здорово» (chào), thường gặp trong lời nói nam giới nhiều hơn. Nhiều khi các dấu hiệu xã hội thường trực của những người bản ngữ lồng vào nhau (người trí thức thế hệ già, người bình dân thế hệ già, ...). Mặc dù, có sự xóa dần ranh giới văn hóa và xã hội, nhưng sự khác biệt trong lời nói và đặc biệt trong nghi thức lời nói vẫn đang còn tồn tại. Ví dụ: kiểu chào «приветик, чао, салютик» (chào) không được thế hệ già dùng đến, trong khi đó thanh niên lại không ưa dùng kiểu chào của những người lớn tuổi: рад вас приветствовать.

Ngoài những dấu hiệu xã hội thường lệ ra khi gặp những điều kiện giao tiếp khác nhau người ta lại nhận thêm những dấu hiệu tạm thời (tình huống) để thực hiện các vai trò khác nhau như: người đi bộ, người đi tàu xe, cha mẹ, học sinh, giáo viên, người khách, người chủ, người mua hàng, người xem phim,... các vai trò tạm thời ấy kết hợp với các vai trò thường trực tạo thành một tổ hợp phức tạp các tính chất xã hội để tổ chức nên lời nói trên quan điểm lựa chọn hình thức xưng hô là “Ты” (cậu/mày) hay là “Вы” (anh/chi),... “Tính chất trình trọng của hoàn cảnh giao tiếp đòi hỏi cách xưng hô này, còn tính chất không trình trọng đòi hỏi cách xưng hô khác” [5.tr.30].

Như vậy, nhìn chung nghi thức lời nói (cũng như các

nghi thức lời nói chung) điều hòa các mối quan hệ với người đối thoại theo lối “bằng vai – cao hơn - thấp hơn”. Nếu những người giao tiếp với nhau bằng vai về địa vị hoặc tuổi tác, thì tình huống cân bằng, nếu họ khác nhau về các dấu hiệu cơ bản (cao hơn, thấp hơn, nghĩa là khác nhau về tuổi tác, về địa vị chẳng hạn như: thầy – trò, thủ trưởng – nhân viên, ...) thì tình huống không cân bằng. Trong các tình huống không cân bằng thường xảy ra tình huống “cân bằng lại” những người đối thoại như để làm thích ứng họ với nhau. Ở đây có thể dùng được các động hình nghi thức lời nói không đặc trưng lắm đối với người đối thoại ấy. Ví dụ: Một trí thức tinh thành đi về quê săn bắn, câu cá có thể chào hỏi người nông dân là “Здорово, хозяин!” (Xin chào, chủ nhân) mà trong các trường hợp khác mà ông ta không hay dùng, hoặc chọn cách xưng hô thông tục gọi người không quen biết là “Ты”.

3.3. Các vấn đề tu từ học với nghi thức lời nói

Nghi thức lời nói được thực hiện trong các điều kiện có sự tiếp xúc giữa những người đối thoại với nhau. (Ở đây không đề cập đến những nghi thức trong thư từ và điện thoại) do đó phải dùng khẩu ngữ tự nhiên chủ yếu dưới dạng đối thoại. Tất cả những điều ấy làm nghi thức lời nói gắn với ngôn ngữ hội thoại. Song cũng có những điểm khác biệt cơ bản vì tính chất của những động hình nghi thức lời nói thường gắn bó với sự lựa chọn chúng trong khi nói lại chịu sự ảnh hưởng tính chất các mối quan hệ lẫn nhau giữa những người đối thoại với hoàn cảnh giao tiếp xét trên quan điểm trình trọng hay không trình trọng. Vì vậy các động hình nghi thức lời nói có thể xác định một mặt là mang tính chất tôn cao, bên cạnh phần lớn các động hình thức mang tính chất trung hòa về tu từ. Như vậy việc phân biệt tu từ học các thành ngữ của nghi thức lời nói tiến hành theo thang phân loại tu từ - biểu cảm. Các dãy tu từ đồng nghĩa phong phú bao gồm cả những động từ đồng nghĩa tu từ học. Vậy là tính chất tu từ của các động hình nghi thức lời nói được đảm bảo trước hết bởi tính chất trình trọng và không trình trọng của hoàn cảnh giao tiếp, bởi tính chất, quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp và bởi thuộc tính của các nhóm xã hội khác nhau của họ. Tính chất không trình trọng của giao tiếp dẫn tới việc sử dụng các thành ngữ hội thoại thoải mái với nhiều cấu trúc rút gọn và có nhiều tiêu từ: Ну пока!, Всего!, Как жизнь? (Thôi tạm biệt! mọi điều tốt đẹp! Cuộc sống thế nào!) ... Tính chất trình trọng của giao tiếp đòi hỏi xuất hiện các cấu trúc đầy đủ về cú pháp tôn cao về mặt tu từ chúng đó có sự tuân thủ về quy định, có sự lễ độ cao hơn: разрешите поблагодарить вас; рад вас приветствовать (cho phép tôi được cảm ơn anh/chi); (tôi rất vui được đón tiếp anh/chi) ...

Cũng cần chỉ ra rằng vẫn có thể phân loại theo tu từ học chức năng theo các lĩnh vực giao tiếp khác nhau. Có giao tiếp của sinh hoạt và giao tiếp công cụ (so sánh nghi thức của các quân nhân, của các nhà ngoại giao, của các nhà khoa học).

Sự khác biệt của những người tham gia giao tiếp dưới hình thức viết riêng biệt, kể cả nghi thức công văn, sự khác biệt trong không gian, nhưng sự tiếp xúc trong thời gian như nói chuyện điện thoại cũng đòi hỏi có những nghi thức giao tiếp đặc biệt.

“Theo quan điểm số lượng người tham gia giao tiếp thì nghi thức lời nói chủ yếu thực hiện theo nguyên tắc một - một (hai người đối thoại) ít khi là một - nhiều (nói với lớp học), đôi khi là một - vài (làm quen qua người trung gian)” [5, tr.12].

3.4. Tình huống, nghĩa học trong nghi thức lời nói

T. Benvenit đã tìm ra lớp động từ *приветствую* (xin chào), *клянусь* (xin thề), *благодарю* (cảm ơn) mà ở hình thái ngôi thứ nhất thời hiện tại chúng đã thoát ra ngoài hệ hình động từ và hoạt động một cách đặc biệt như tiền định thái. Có thể nói những động từ tiền định thái là những phát ngôn tối thiểu, bởi vì bao giờ chúng cũng hướng tới người nghe, cũng có định hướng giao tiếp. Nhiều động hình nghi thức lời nói khác cũng là những phát ngôn tiền định thái. Ví dụ: *Спасибо!* (cảm ơn) *Извините!* (xin lỗi) và nhiều từ khác nhau chính vừa là lời nói, vừa là hành động.

Tình huống của nghi thức lời nói là tình huống giao tiếp trực tiếp, khi những người đối thoại “tôi” và “anh” gặp nhau “ở đây” và “bây giờ”. Các thành tố này của tình huống được phản ánh vào trong các phạm trù ngữ pháp và trong các dạng động hình của nghi thức lời nói. Ví dụ: Trong động hình nghi thức *благодарю вас!* (tôi xin cảm ơn) có phản ánh *Я* cách xưng hô ngôi thứ nhất, *ТЫ/ВЫ* ngôi thứ hai là đại từ nhân xưng làm bổ ngữ.

Có thể nhận thêm cả những đặc điểm tính chất tình thái của động hình nghi thức lời nói mà trong cấu trúc nội của nó biểu hiện tính phi hiện thực. Ví dụ: *Я хотел бы благодарить вас!* (Tôi muốn cảm ơn anh/chị) Câu này khác hẳn về nguyên tắc với một câu nói khác kiểu: *Я хотел бы отдохнуть* (Tôi muốn nghỉ ngơi). Với câu sau có thể nghe một câu trả lời: *Ну что ж, отдыхайте* (Thế thì hãy nghỉ ngơi đi). Còn trong trường hợp thứ nhất thì một câu trả lời như vậy là không thể bởi vì việc cảm ơn đã xảy ra thực do đó thức giả định trong nghi thức lời nói không làm thay đổi tình thái khách quan, nhưng câu nói ấy được cung cấp thêm một sắc thái ý nghĩa tình thái chủ quan – đó là sự tạ ơn trong một giọng điệu lịch sự hơn.

“Có thể rút ra kết luận là trong nghi thức lời nói tính tiền định thái được mở rộng, bởi vì chẳng những thức tường thuật mà cả thức giả định và thức mệnh lệnh” [2, tr.16].

3.5. Ngôn ngữ đất nước học với nghi thức lời nói

Nghi thức lời nói là bộ phận hợp thành của vấn đề ngôn ngữ đất nước học, bởi vì nó gắn liền với đặc trưng dân tộc của các câu thành ngữ, mà nhiều khi không có câu tương đương trong các ngôn ngữ khác với các phong tục tập quán của mỗi dân tộc. “Nó là một phần tử của những tri thức nền của người nói và đòi hỏi phải có sơ bộ những biểu biết nhất định mới có thể hiểu được chính xác” [8, tr.46]. Nghi thức lời nói gắn bó chặt chẽ với lời nói thường dùng. Không ít trường hợp người nước ngoài học tiếng Nga phạm những lỗi có tính chất thường dùng: Câu nói đúng ngữ pháp nhưng không chấp nhận được. Ví dụ: Ở trong một cửa hàng *Здравствуйте, продавец!* (Chào người bán hàng!) *Могу ли я получить хлеб?* (Tôi có thể nhận bánh mì được không?) Hoặc câu nói đầu tiên của người cầm ống điện thoại: *Здесь Андрей* (Andrei đây) (lẽ ra phải nói *Алло! Я слушаю* (Alo! Tôi nghe đây)). Do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ nhiều người Việt để thu

hút sự chú ý của người đối thoại thường bắt đầu bằng câu *Пожалуйста* (xin mời). Ví dụ: *Пожалуйста, где здесь станция метро* (Xin mời, ở đây ga tàu điện ngầm ở đâu?) (lẽ ra phải nói: *Простите* (xin lỗi), *скажите* (hãy nói)). Cách xưng hô với người Nga đặc biệt là gọi tên với phụ danh gây ra những khó khăn lớn đối với người nước ngoài. Bởi vậy phải luôn quan tâm tới đặc điểm dân tộc của nghi thức lời nói.

3.6. Văn bản đối thoại của nghi thức lời nói

Như phần trên đã viết, nghi thức lời nói được trình bày khi những người đối thoại tiếp xúc trực tiếp với nhau. Do đó nếu bản thân mỗi động hình nghi thức lời nói xuất hiện như đơn vị “thông báo” thì mỗi một chỉnh thể đối thoại gồm lời kích thích và lời đáp ứng trở thành một đơn vị giao tiếp. Do vậy, việc xem xét các quy luật xây dựng lời kích thích và lời đáp ứng của đối thoại trong nghi thức lời nói là hợp lý.

“Khi tái lập, tạo lại câu nói kiểu những mẫu cố sẵn – những động hình nghi thức lời nói, người nói tuy thế vẫn không hành động một cách máy móc mà tiến hành động tác lựa chọn phức tạp cho lời nói một trong những câu có sẵn sao cho câu đó” [7, tr.21].

a) Đúng chỗ nhất với hoàn cảnh giao tiếp ấy, kể cả chi tiết phức tạp của các mối quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp; Kể cả những yếu tố thường xuyên, lẫn những yếu tố nảy sinh tức thời lúc tiếp xúc.

b) Quen thuộc nhất, điển hình nhất và ưa dùng nhất đối với người nói, theo những dấu hiệu khu biệt xã hội và cá nhân của mình (tuổi tác, trình độ văn hóa, ...)

c) Thích hợp nhất đối với người đối thoại theo những dấu hiệu khu biệt riêng của người ấy. Chính vì vậy, lời đối thoại đầu tiên không những mang sắc thái ý nghĩa về mặt tu từ mà còn mang sắc thái ý nghĩa từ vựng. Ví dụ: *До свидания* (tạm biệt); *Прощай* (vĩnh biệt mãi mãi); *До вечера*, *До лета* là chia tay, có chỉ rõ thời gian xa cách gặp lại và màn sắc thái tu từ: *Пока*; *Всего* thích hợp giao tiếp thoải mái với người thân quen hoặc người ngang vai.

Lời kích thích đối thoại có thể được mở rộng theo chiều ngang bằng những thành ngữ cố định có tính chất động hình. Tất cả những điều kiện hạn chế kể trên đương nhiên cũng có tác dụng với cả việc tiếp tục lời đối thoại. Nhưng nếu đối với lời phát ngôn đầu tiên những điều kiện đó chỉ đóng vai là những điều kiện ngoài ngôn ngữ, thì đối với lời nói tiếp theo tình hình lại có khác, bởi vì đã có lời đối thoại đầu tiên mang những điều hạn chế đó rồi. Vì vậy, đối với lời nói tiếp theo có tính chất bức thiết là vấn đề ngôn ngữ đơn thuần tức vấn đề khả năng kết hợp và không kết hợp. Ví dụ: lời chào thường có câu hỏi kèm theo về đời sống, sức khỏe, công việc, ... Ở đây có thể kết hợp các câu: *Приветствую вас* (Xin chào anh/chị). *Как идут ваши дела?* (Công việc anh/chị thế nào?) Và không thể kết hợp: *Приветствую вас. Как дела?* bởi vì lời chào được tôn cao về mặt tu từ không thể kết hợp với lời hỏi thăm về công việc bị rút gọn và bị hạ thấp về mặt tu từ.

Ngoài việc mở rộng nghi thức lời nói theo chiều ngang “về bên phải” còn có những trường hợp được mở rộng “về bên trái”. Điều này có tính chất điển hình với nghi thức lời nói khi chia tay, khi kết thúc công việc. Vì

dụ: trước lúc chia tay với khách du lịch, hướng dẫn viên thường nói: Ну, мне пора! (Thôi tôi phải đi rồi!) hoặc Уже поздно (Trời đã muộn). Đó là những câu mở rộng nghi thức lời nói “về bên trái”, đương nhiên là sau những câu nói đó phải kết hợp với những động hình, và những thành ngữ chia tay theo tất cả những quy định về nghi thức lời nói chung.

Lời nói thứ hai của tổng thể đối thoại – tức là lời ứng đối – do người tham gia giao tiếp khác nói và thông thường là tiếp nhận các quy tắc ứng xử trong giao tiếp trong đó có hoàn cảnh giao tiếp và các dấu hiệu khu biệt của người đối thoại cũng như giọng điệu tu từ của lời kích thích đầu tiên và sự có khả năng hay không có khả năng kết hợp lời đáp ứng với câu với câu trước. Ở đây đương nhiên là những động hình trung hòa về mặt tu từ có thể kết hợp với những lời tôn cao hoặc hạ thấp về mặt tu từ: Здравствуй! (xin chào) – Здорово! (chào!) Nhưng những thành ngữ tương phản về mặt tu từ kiểu:

Рад вас приветствовать! (Rất vui mừng đón tiếp!) – Здорово! (chào) Không thể kết hợp với nhau được, nếu như những người đối thoại không muốn tạo ra một sự hiểu lầm.

Trong chính thể đối thoại – trong nghi thức lời nói- có sự phản ánh tất cả các quy luật ngữ pháp điển hình của việc xây dựng các lời đối thoại. Ở đây chúng ta thấy có các cấu trúc hết sức rút gọn hoặc sát nhập, ... Song khác với lời đối thoại xây dựng tự do trong nghi thức lời nói như đã nhắc tới ở trên có xây ra quá trình chủ yếu là tái lập, tạo lại các động hình cố định có sẵn. Đáng chú ý là có rất nhiều thành tố rời của cấu trúc cú pháp kiểu: Всего (Mọi điều tốt đẹp) (trong câu Желаю вам всего хорошего (tôi chúc anh/chị mọi điều tốt đẹp)). Giống như mọi lời đối thoại văn bản của nghi thức lời nói có đặc điểm là sử dụng nhiều tiểu từ: Ну, пока! (Thôi tạm biệt) Как же! (Biết làm thế nào!)..

Các lời đối đáp của chính thể đối thoại thường là những câu nghi vấn, cầu khiến và cả những câu cảm thán nữa, do vậy có quy định chặt chẽ về cấu trúc ngữ điệu của

chúng. Trong nghi thức lời nói có nhiều phương tiện biểu cảm phản ánh những tình cảm đi kèm theo tình huống của những người tham gia giao tiếp như: vui sướng hoặc ngạc nhiên, khi gặp gỡ hoặc khăn khoản trong yêu cầu, đề nghị, ...

Tất cả những điều nói trên chứng tỏ sự cần thiết phải lưu ý những người nghiên cứu, giảng dạy, nghi thức lời nói đến các đặc điểm ngữ pháp, chủ yếu là cú pháp, của các thành ngữ trong nghi thức lời nói và đến cách tổ chức chúng thành chính thể trong một phát ngôn.

4. Kết luận

Nghi thức lời nói đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp tiếng Nga. Nghi thức lời nói là những “đơn vị ngôn ngữ” có sẵn theo một công thức nhất định. Giống như thành ngữ NTLN là những kết hợp cú pháp cố định không thể thêm bớt hoặc thay đổi các thành tố. NTLN có mối quan hệ chặt chẽ với ngôn ngữ xã hội học, ngôn ngữ đất nước học, đặc biệt NTLN có mối quan hệ với tu từ học, tình huống, nghi học. Hiểu đúng về NTLN để giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ tốt hơn nhằm giúp sinh viên tiếng Nga phát triển năng lực thực hành tiếng trở thành hướng dẫn viên du lịch trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*. ĐH và GDCN, Hà Nội, 1989.
- [2] Trần Ngọc Thềm, *Những vấn đề văn hóa, văn học và ngôn ngữ học*, Nxb KHXH, 1999.
- [3] Акишина А.А., Формановская Н.И. Русский речевой этикет. Изд. «Русский язык», М.1982.
- [4] Белошавкова В.А. Современный русский язык. Изд. «Высшая школа», М. 1977.
- [5] Гольдин В.Е. Обращение: теоретические проблемы. Саратов, 1987.
- [6] Николаева Т.М. К вопросу о назывании и самоназывании в русском речевом общении. Изд. МГУ. М. 1972.
- [7] Петровская Н.А. Словарь русских личных имён. Изд. «Русский язык». М. 1984.
- [8] Космоторов В.Г. Язык и культура. М. 1996.

(BBT nhận bài: 29/7/2019, hoàn tất thủ tục phản biện: 20/8/2019)